

Phương pháp xử lý âm Hán - Việt trong dịch Việt - Trung

Nguyễn Thu Huyền

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hải Phòng

Received: 4/3/2024; Accepted: 8/3/2024; Published: 14/3/2024

Abstract: Translation is the use of the vocabulary of one language to express the meaning of another language; therefore, translation is both a scientific discipline that requires precise and objective accuracy, and an art form. This is why, in the process of translating from Vietnamese to Chinese, we encounter many difficulties, especially regarding the meaning of Han Viet characters. Without a solid understanding of the meaning of Hán Việt characters, translation becomes impossible. Based on this point, the author presents some methods for handling Han Viet characters, such as forward translation, reverse translation, direct translation of Han Viet characters, translation based on meaning, and translation based on lexical choice. It is hoped that this will be a useful reference document for learners.

Keywords: Translation, Han Viet characters, translating from Vietnamese to Chinese,

1. Đặt vấn đề

Trong từ vựng Hán-Việt, có những từ vựng phức tạp, quá trình phát triển và biến đổi của chúng thực sự không đơn giản, điều này làm cho sinh viên (SV) Việt Nam khi dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt thường gặp phải những sai sót. Ví dụ: (1) Ăn tranh thủ, ngủ khản trương, học bình thường, chơi là chính. Không phải là: 争手吃, 紧张睡, 学习为次, 玩为主。Mà là: 抓紧吃, 抓紧睡, 学习为次, 玩为主。(2) Chúng tôi đều là sinh viên trường Đại Học Phú Xuân. Không phải là: 我们都是富春大学的生员。Mà là: 我们都是富春大学的学生。 Vì vậy, mục tiêu chính của tài liệu này là đề xuất những biện pháp vượt qua dựa trên quan điểm của các nhà dịch.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Biện pháp xử lý từ Hán-Việt khi dịch từ Việt sang Trung

*Dịch theo chiều hướng tự nhiên

Dịch theo chiều hướng tự nhiên là quá trình dịch thông qua con đường của từ nguyên văn, dựa trên ý nghĩa, thứ tự từ và suy nghĩ ban đầu. Đặc điểm của việc dịch theo chiều hướng tự nhiên là: sự tương đồng hoặc gần gũi giữa nghĩa của từ nguyên văn và bản dịch, không cần phải điều chỉnh nhiều để có thể chuyển đổi giữa hai ngôn ngữ một cách đồng bộ, và bản dịch đáp ứng được ngữ pháp và thói quen ngôn ngữ của ngôn ngữ đích, mạch lạc và rõ ràng.

Ví dụ:

Hệ thống tín hiệu giao thông
交通信号系统

Gia đình là tế bào của xã hội。
家庭是社会的细胞。

“Có thể nói, tại hội nghị Công nghệ sinh học toàn

quốc của các nhà khoa học Việt Nam đã khẳng định được vị trí lĩnh vực khoa học trong điểm này ở Việt Nam, đề xuất được những hướng mới cần tập trung đầu tư để xây dựng nền công nghệ sinh học thật sự có hiệu quả như công nghệ gen, công nghệ vi sinh, công nghệ tế bào thực vật.”⁽¹⁾

可以说,在全国生物学技术会议上,越南科学家已肯定了这个重点科学领域的地位,提出了要集中投资的新方向,以建设真正有效的生物学技术如基因、微生物、植物细胞。

*Đảo ngược dịch

Nói một cách đơn giản, đảo ngược dịch là quá trình sắp xếp lại từ ngữ trong quá trình dịch. Đối với nguyên nhân của sự biến đổi ngôn ngữ này, nói chung có ba yếu tố chính: lý do cú pháp, lý do tu từ, và lý do thói quen. Lý do cú pháp xuất phát khi có sự chênh lệch đáng kể về cú pháp giữa văn bản gốc và bản dịch, buộc dịch giả phải điều chỉnh bản dịch theo quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ đích. Tuy nhiên, điều này không tuyệt đối, và khả năng duy trì thứ tự ban đầu trong bản dịch phụ thuộc chặt chẽ vào khả năng của dịch giả, đặc biệt là trong bối cảnh cụ thể.

Việc sắp xếp lại vì lý do tu từ thường được thực hiện để tăng cường hiệu ứng diễn đạt và chuyển đạt thông tin của văn bản gốc một cách chính xác hơn. Ngoài ra, còn có những trường hợp sắp xếp không dựa trên cơ sở ngữ pháp hoặc lý do tu từ, mà chỉ là sự phản ánh của thói quen ngôn ngữ của người nói. Trong quá trình dịch thực tế, việc thay đổi thứ tự từ và câu trong dịch tiếng Trung - tiếng Việt cũng khá phổ biến. Biểu hiện rõ nhất của việc sắp xếp lại bằng văn bản là việc đảo ngược thứ tự của văn bản gốc, thường được gọi là “đảo ngược dịch.”

- | | |
|-----------------------|-----------|
| ✦ Đau đầu | ⇒ 头疼 |
| ✦ Động đất | ⇒ 地震 |
| ✦ Láng giềng hữu nghị | ⇒ 睦邻友好 |
| ✦ Hợp tác toàn diện | ⇒ 全面合作 |
| ✦ Ổn định lâu dài | ⇒ 长期稳定 1。 |
| ✦ Hướng tới tương lai | ⇒ 面向未来 |

*Dịch trực tiếp và dịch ý

(a) Dịch Trực Tiếp:

Dịch trực tiếp là khi trong điều kiện ngôn ngữ của bản dịch cho phép, bản dịch không chỉ giữ nội dung của văn bản gốc mà còn giữ nguyên hình thức của văn bản gốc - đặc biệt là giữ nguyên những ẩn dụ, hình ảnh và đặc điểm văn hóa, địa phương của văn bản gốc.

Vì vị trí địa lý và nguồn gốc văn hóa tương đồng giữa VN và Trung Quốc, có nhiều điểm tương đồng hoặc giống nhau trong tư duy, cảm xúc, tập tục và cách cảm nhận về thực tế khách quan. Nhiều cấu trúc ngữ pháp và từ vựng trong tiếng Việt và tiếng Trung hoàn toàn giống hoặc rất gần nhau. Đặc biệt, trong các thành ngữ tiếng Việt và tiếng Trung có nhiều thành ngữ giống nhau hoặc gần giống nhau, với ý nghĩa bản thể, ý nghĩa hình ảnh tương đồng, ý nghĩa ẩn dụ gần giống, nên có thể dịch trực tiếp. Ví dụ:

Anh phải dũng cảm đối diện với khó khăn.

你必须勇敢面对困难。

“Mặc dầu sức mạnh tổng top và vị thế quốc tế giảm sút, nhưng nước Nga vẫn là một quốc gia lớn nhất châu Âu và là một trong hai cường quốc hạt nhân lớn nhất thế giới.”

虽然俄罗斯的综合实力和国际地位下降了，但它仍是欧洲最大和世界数一数二的核大国。

(b) Dịch Ý:

VN và Trung Quốc là hai quốc gia khác nhau, đều có ngôn ngữ, cú pháp và phương thức diễn đạt riêng. Trong quá trình dịch, nếu không thể giữ lại ý nghĩa chữ theo nghĩa đen và ý nghĩa hình ảnh của ngôn ngữ gốc, phải dựa trên cách nghĩ và thói quen diễn đạt của ngôn ngữ đích để tái cấu trúc từ vựng và cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ gốc, từ đó truyền đạt mục đích ngôn ngữ của văn bản gốc và dịch lộ rõ ý nghĩa ẩn. Điều này được gọi là dịch ý. Ví dụ:

“Từ đầu năm đến nay, cơ quan hải quan và các ban ngành hữu quan Trung Quốc đã tăng cường chống phá hành động buôn lậu và đã giành được thành quả mang tính giai đoạn.”

今年以来，中国海关等有关部门加大了打击非法走私力度并取得了阶段性成果。

Trong thực tế, dịch trực tiếp và dịch ý không tồn tại độc lập, chúng liên quan chặt chẽ và không có

ranh giới tuyệt đối.

*Lựa chọn từ ngữ

Sau khi xác định được ý nghĩa cụ thể của từ trong bối cảnh, cách chọn từ phù hợp để diễn đạt nó trong ngôn ngữ đích trực tiếp ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của bản dịch. Đôi khi, không chỉ có một từ để chọn, mà có thể có hai hoặc nhiều từ có ý nghĩa gần nhau; hoặc có những từ có vẻ giống nhau bề ngoài nhưng thực tế lại khác nhau. Điều này đòi hỏi chúng ta phải phân tích và so sánh để đưa ra quyết định. Đặc biệt là trong các bản dịch có tính chất chính trị, việc sử dụng từ phải chính xác và không gian lỗi, vì đôi khi sự chênh lệch nhỏ có thể dẫn đến những sai lầm lớn. Ví dụ:

Các anh không cần phải thương hại tôi.

Không phải: 你们不要伤害我。

Mà là: 你们不要怜悯我。

Họ nói chuyện với nhau rất tâm đắc.

Không phải: 他们谈得很心得。

Mà là: 他们谈得很投机。

(a) Chú ý đến phạm vi ý nghĩa của từ tương ứng tiếng Việt.

Khi chọn từ, cần lưu ý rằng một số từ trong tiếng Việt so với tiếng Trung, ý nghĩa của chúng không phải là tương đương mà thường là một từ tương ứng với hai hoặc nhiều từ. Ví dụ:

Tôi không còn điều khiển nổi mình.

我已经无法控制自己。

Con ngựa này thật là khó điều khiển.

这匹马真不好驾驭。

Anh ta đang điều khiển máy.

他正在操作机器。

(b) Chú ý đến sự khác biệt nhỏ về ý nghĩa của từ.

Trong quá trình dịch, cần chọn từ sao cho phù hợp và lưu ý đến những sự khác biệt nhỏ về ý nghĩa của từ tương tự trong tiếng Việt. Ví dụ:

Quân đội được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân.

Những từ biểu thị “ủng hộ” có “拥护”、“支持”、“支援”， cần lựa chọn một từ chính xác nhất.

“军队受到人民群众的支持”

(c) Chú ý đến sự mạnh mẽ của từ.

Trong các từ đồng nghĩa của tiếng Việt và tiếng Trung, có nhiều từ biểu thị mức độ mạnh mẽ khác nhau. Ví dụ:

☞ Hủy hoại > phá hoại > tổn hại

☞ Tuyệt mật > cơ mật > bí mật

⇒ 毁坏 〉 破坏 〉 损坏

⇒ 绝密 〉 机密 〉 秘密

Trong tiếng Việt, để biểu thị ý định của mình đạt được một mục tiêu hoặc một tình huống nào đó xảy ra, sử dụng từ “hi vọng” (希望), trong khi muốn một cách nồng nhiệt thì sử dụng “khát vọng” (渴望), hoặc khi đưa ra một ý kiến và hy vọng người khác chấp nhận ý kiến của mình, thì sử dụng “đề nghị” (提议), nhưng trong những trường hợp mà cấp trên đòi hỏi cấp dưới, hoặc trong những tình huống khẩn cấp, không thoải mái, thì có thể sử dụng “yêu cầu” (要求).

(d) Chú ý đến ý nghĩa tích cực hoặc tiêu cực của từ.

Dựa vào thái độ khác biệt đối với sự vật, từ sẽ có các cảm xúc khác nhau, hoặc là sự khen ngợi khẳng định, hoặc là sự phủ định chê trách. Để hiểu rõ ý nghĩa của từ, không chỉ cần xem từ đó, mà còn cần xem xét từng phần, từng đoạn và dùng từ phù hợp để diễn đạt ý nghĩa của văn bản. Ví dụ:

Chúng ta không nên bảo vệ cho kẻ phạm tội.

咱们不能庇护犯罪的人。

Anh sẽ che chở và bảo vệ cho em.

我一辈子会照顾和保护你。

“庇护” có ý nghĩa tiêu cực, trong khi “保护” có ý nghĩa tích cực. Do đó, trước khi chọn từ, cần lưu ý ý nghĩa tích cực hoặc tiêu cực của từ.

(e) Chú ý đến phong cách văn viết, trang trọng hoặc thông thường của từ.

Khi dịch, không chỉ cần truyền đạt ý nghĩa gốc, mà còn cần cố gắng để bảo toàn phong cách gốc của văn bản, vì vậy khi chọn từ, cần lưu ý đến sự khác biệt về phong cách của từ. Nếu văn bản gốc là thông thường, thì dịch cũng nên sử dụng từ thông thường. Ví dụ:

Anh Lý Tự Trọng đã tử trận vì tổ quốc.

李自忠已为祖国死亡。

Anh Lý Tự Trọng đã hy sinh vì tổ quốc.

李自忠已为祖国牺牲。

Sử dụng từ “hy sinh” mang ý nghĩa trang trọng hơn, trong khi “tử trận” mang ý nghĩa trung tính hơn. Do đó, nếu văn bản gốc là văn viết cổ điển, thì dịch cũng nên sử dụng ngôn ngữ cổ điển, trang trọng và phù hợp với cú pháp.

2.2. Các phương pháp khác

(a) Xác định ý nghĩa của từ, hiểu đúng ý nghĩa cụ thể của nguyên tác là vấn đề quan trọng đầu tiên khi lựa chọn từ vựng. Trong tiếng Việt, hiện tượng một từ có nhiều ý nghĩa là phổ biến. Cùng một từ trong ngữ cảnh khác nhau, đôi khi sẽ mang theo nhiều ý nghĩa khác nhau. Ví dụ:

Gian phòng bố trí rất ngăn nắp. 房间布置得很整齐。

Về nước, tôi được bố trí tiếp quản một xí nghiệp sản xuất giấy. 回国后, 我立即被分配接管一个生产纸的企业。

(b) Sự kết hợp của từ kết hợp từ là việc các từ phối hợp với nhau. Nếu kết hợp không đúng, có thể dẫn đến sự khó hiểu và thậm chí gây hiểu lầm trong văn bản. Đôi khi, chỉ cần một chút chênh lệch, mặc dù vẫn là từ đồng nghĩa, cũng có thể làm thay đổi hoàn toàn ý nghĩa. Ví dụ:

“tiêu trừ” (消除) loại bỏ những điều không lợi

“thanh trừ” (清除) Loại bỏ toàn bộ

3. Kết Luận

Tóm lại, dịch thuật không chỉ là một lĩnh vực học thuật mà còn là một KN. Để nắm vững kiến thức lý thuyết dịch thuật và áp dụng thành thạo KN này, không chỉ cần hiểu biết về các lý thuyết dịch thuật liên quan và phương pháp kỹ thuật dịch thuật chung, mà còn cần có kiến thức sâu rộng về cả hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Trung, cùng với nhiều kinh nghiệm thực tế trong dịch thuật. Chỉ khi kết hợp đồng thời cả kiến thức lý thuyết và KN thực tế, người dịch mới có thể hội nhập kiến thức từ nhiều phía, từ đó trở nên thành thạo khi dịch thuật và viết ra những bản dịch chính xác và mạch lạc.

Một cách nào đó, có thể nói rằng khả năng dịch thuật của một người không phải là điều học được từ lớp học, cũng không chỉ là thành quả của kỹ thuật dịch thuật, mà phải thông qua sự thực tế, từng bước một để tạo ra con đường dịch thuật riêng của mình.

Do đó, khi dịch thuật, cần phải hiểu sâu về tình hình phát triển của từ ngữ Hán-Việt trong tiếng Việt, sau đó sử dụng trí óc để phân tích ý nghĩa của từ ngữ Hán-Việt, và lựa chọn từ phù hợp để dịch.

Tài liệu tham khảo

1. 杜梅芳, 《论汉越词辅音的演变》天津师范大学, 2009年
2. 梁远、温日豪, 《实用汉越互译技巧》民族出版社, 2005年
3. 阮氏怀芳, 《怎么利用汉越音和汉越词对越南学生进行汉语词汇教学》广西师范大学中文系, 2005年
4. 谭载喜, 《奈达论翻译》中国对外翻译出版公司, 1984年
5. Viện ngôn ngữ học Việt Nam (2000), Từ điển Tiếng Việt. NXB TP Hồ Chí Minh
6. Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Thị Huệ (1998), Từ điển từ nguyên giải nghĩa. NXBGD. Hà Nội